

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (84-4) 35 142 417 Fax: (84-4) 38 560 629

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 69

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Gia Du	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Thành	Phó chủ tịch
Ông Hoàng Chí Cường	Ủy viên
Ông Trần Đức Y	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Chí Cường	Tổng giám đốc
Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt cho Ban Tổng giám đốc,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



Hoàng Chí Cường
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26/04/2016, từ trang 07 đến trang 69, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất và Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Với những tài liệu hiện có ở Công ty cung cấp chúng tôi cũng không thể lượng hóa được giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập. Theo đó bất kỳ sự điều chỉnh nào có liên quan đến các khoản mục này đều ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015 của Tổng Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp và Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2015. Và Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu hồi được đầy đủ thư xác nhận số dư các khoản vay được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán này cũng không cung cấp được cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến nhận xét về số dư các khoản công nợ nêu trên được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Chi nhánh Lắp máy - Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất chưa hạch toán khoản tiền phạt chậm nộp thuế từ năm 2014 trở về trước theo Quyết định số 45086/QĐ-CT-QLN ngày 10/07/2015 của Cục Thuế Hà Nội với số tiền là 697.600.783 đồng và Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình chưa ghi nhận khoản phạt chậm nộp tiền thuê đất theo thông báo của Chi cục thuế quận Hoàng Mai với giá trị là 1.309.894.833 đồng. Đồng thời, theo Thông báo của Chi cục thuế quận Hoàng Mai và chi cục thuế quận Long Biên, số tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất năm 2015 với giá trị là 738.775.276 đồng chưa được Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình ghi nhận.

Tính đến thời điểm 31/12/2015 thì số lãi chậm nộp bảo hiểm chưa được Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất ghi nhận là 1.252.499.291 đồng. Công ty cũng đang ghi nhận thiếu chi phí lãi vay phải trả đối với các khoản vay ngắn hạn với giá trị ước tính là 228.411.167 đồng. Nếu các khoản chi phí nêu trên được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm đi với giá trị 1.480.910.458 đồng. Đồng thời, Theo Thông báo số 1141/TB-CT ngày 20/01/2016 của Cục thuế thành phố Hải Phòng về việc tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp thì tổng số tiền thuế Công ty chưa nộp vào Ngân sách Nhà nước tính đến 31/12/2015 là 11.033.283.643 đồng (*Số tiền thuế, tiền phạt là 5.864.613.195 đồng, số tiền chậm nộp tính đến 31/10/2015: 5.066.020.615 đồng và số tiền chậm nộp từ ngày 01/11/2015 đến 30/11/2015: 102.649.833 đồng*). Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện hạch toán các khoản tiền phạt và tiền chậm nộp với giá trị: 5.180.475.031 đồng.

Trong năm 2015, Văn phòng Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất và Các Chi nhánh trực thuộc Công ty không hạch toán khoản phải trả tiền lãi vay vốn cá nhân vào chi phí tài chính theo Biên bản họp giữa Công ty và các Chi nhánh số 160/BBH-XLHC ngày 25/05/2015 và công văn số 238/ CV-XLHC-TCKT ngày 05/09/2014 của Công ty do các Chi nhánh thực hiện huy động vốn không đúng thẩm quyền.

Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc chưa thực hiện đối chiếu các khoản vay cá nhân với số tiền là 2.050.000.000 đồng và khoản lãi vay cá nhân với số tiền là 594.286.458 đồng tại thời điểm 31/12/2015. Đồng thời, Công ty chưa hạch toán tiền lãi chậm nộp tiền bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2015 theo thông báo của cơ quan Bảo hiểm tỉnh Bắc Giang vào chi phí sản xuất kinh doanh với số tiền là 2.184.551.166 đồng (trong đó năm 2015 là 554.892.024 đồng). Công ty đã có Công văn số 832/HACHEMMECO - TCHC ngày 31/10/2013 đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang khoan nợ và miễn tính lãi chậm nộp và ngày 31/12/2014 Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Công văn số 3790/KL - UBND đề nghị Bảo hiểm Xã hội Việt Nam xem xét, có chính sách khoan nợ, miễn hoặc giảm tiền lãi chậm nộp cho những doanh nghiệp thực sự khó khăn trong giai đoạn vừa qua để tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội khôi phục lại sản xuất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Tại 31/12/2015 khoản lỗ lũy kế của Tổng Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 572.567.616.063 đồng (chỉ tiêu 410 - Vốn chủ sở hữu là: (348.180.088.388) đồng và loại trừ giá trị của Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại thời điểm này là: 224.387.527.676 đồng). Vấn đề này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong các năm tài chính tiếp theo (nguyên nhân do lỗ lũy kế của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn là 1.322.205.222.952 đồng). Báo cáo tài chính và các thuyết minh kèm theo đã không trình bày vấn đề này.

Chi nhánh Tư vấn Thiết kế và Xây dựng - đơn vị trực thuộc Tổng Công ty đã chính thức chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon theo Nghị quyết số 41-1/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107273056 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 29/12/2015. Do vậy Tổng Công ty thực hiện việc tổng hợp kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 28/12/2015 của Chi nhánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 - hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm tài chính này. Đồng thời, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số chỉ tiêu đầu kỳ theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước ngày 01/12/2015. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Kim Trinh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.134.783.260.637	3.232.344.545.142
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	795.580.038.768	598.374.661.984
1 Tiền	111		271.357.041.801	206.131.063.408
2 Các khoản tương đương tiền	112		524.222.996.967	392.243.598.576
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	13.286.439.797	1.129.000.000
1 Chứng khoán kinh doanh	121		1.129.000.000	1.129.000.000
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.157.439.797	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.328.665.992.671	1.197.173.516.025
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1.052.513.862.349	959.775.800.592
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	200.013.498.177	176.584.011.340
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.238.804.810	1.107.000.000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	224.479.866.674	193.453.288.369
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(153.740.371.055)	(135.896.036.020)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.07	2.160.331.716	2.149.451.744
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	973.830.310.071	1.385.465.655.396
1 Hàng tồn kho	141		977.334.720.924	1.388.392.783.028
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.504.410.853)	(2.927.127.632)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.420.479.330	50.201.711.737
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	5.030.877.358	3.198.022.932
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.579.656.566	43.698.797.613
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.09	4.809.945.406	3.304.891.192
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.639.527.862.778	4.074.976.272.374
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.434.125.404	10.180.942.173
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.05	5.434.125.404	10.180.942.173
II. Tài sản cố định	220		3.306.764.159.042	3.483.836.222.265
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	3.290.093.561.767	3.463.311.012.592
- Nguyên giá	222		4.434.637.710.331	4.416.281.775.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.144.544.148.564)	(952.970.763.078)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	3.058.591.448	3.576.077.472
- Nguyên giá	225		4.299.137.274	4.299.137.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.240.545.826)	(723.059.802)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.13	13.612.005.827	16.949.132.201
- Nguyên giá	228		17.641.779.786	21.267.549.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.029.773.959)	(4.318.417.585)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	32.718.112.018	34.233.431.592
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		12.162.201.632	12.979.087.101
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.555.910.386	21.254.344.491
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	111.407.823.100	134.697.403.420
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		78.568.814.067	101.745.323.181
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		35.801.408.675	34.738.809.731
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.962.399.642)	(1.786.729.492)
V. Tài sản dài hạn khác	260		183.203.643.214	412.028.272.924
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	183.055.243.214	411.634.131.938
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		148.400.000	394.140.986
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.774.311.123.415	7.307.320.817.516

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.122.491.211.803	7.282.046.169.650
I. Nợ ngắn hạn	310		2.895.714.482.818	3.084.321.801.189
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	1.074.365.889.931	1.054.160.425.913
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	421.205.809.262	606.258.887.071
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	110.920.900.380	93.976.529.595
4 Phải trả người lao động	314		155.568.744.975	202.477.187.057
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	420.858.339.385	395.803.281.731
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	1.114.279.682	5.863.521.450
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	248.573.356.087	221.016.496.869
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	400.204.876.201	413.835.198.990
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	49.550.318.748	80.445.119.016
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.351.968.167	10.485.153.497
II. Nợ dài hạn	330		4.226.776.728.985	4.197.724.368.461
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	495.637.500	9.293.760.366
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.21	78.542.203.751	78.832.689.809
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	4.086.738.346.585	4.044.525.098.066
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		358.937.279	-
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.22	60.641.603.870	65.072.820.220
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(348.180.088.388)	25.274.647.866
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	(348.180.088.388)	25.274.647.866
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.659.585.105	1.659.585.105
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(15.850.849.119)	23.061.964.923
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	3.332.421
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		31.085.279.025	30.347.602.220
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.139.461.631.074)	(788.337.444.781)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(756.366.639.439)	(646.512.497.856)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		(383.094.991.635)	(182.097.959.971)
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		224.387.527.676	208.539.607.978
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	440		6.774.311.123.415	7.307.320.817.516

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng

Hoàng Thế Hiển

Tổng giám đốc

Hoàng Chí Cường



Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.114.930.276.704	6.079.911.046.937
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	27.857.158.246	19.013.485.290
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.087.073.118.458	6.060.897.561.647
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.635.701.137.039	5.627.033.338.929
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		451.371.981.419	433.864.222.718
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	148.722.413.859	182.579.352.494
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	604.501.250.193	425.200.814.413
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		286.941.304.149	254.241.167.186
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		5.733.012.641	5.794.832.535
9 Chi phí bán hàng	25	VI.8	46.409.447.170	37.074.622.737
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	299.180.614.550	318.415.205.830
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(344.263.903.994)	(158.452.235.233)
12 Thu nhập khác	31	VI.6	41.378.642.089	78.126.600.706
13 Chi phí khác	32	VI.7	13.305.764.839	27.438.060.047
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		28.072.877.250	50.688.540.659
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		(316.191.026.744)	(107.763.694.574)
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		29.534.876.403	21.821.998.598
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		604.678.265	2.378.809.748
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*) (60=50-51-52)	60		(346.330.581.412)	(131.964.502.920)
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(383.094.991.635)	(159.528.119.654)
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		36.764.410.222	27.563.616.734
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(6.965,36)	(2.900,51)

(*) Trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh là: 110.480.608.638 đồng.

- Số lỗ của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn là: (456.811.190.050) đồng. Trong đó, Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư được phân bổ hết vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính là: 224.953.823.758 đồng.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập



Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiến

Tổng giám đốc



Hoàng Chí Cường

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 69 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(316.191.026.744)	(107.763.694.574)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		224.747.408.710	205.804.693.038
- Các khoản dự phòng	03		18.925.569.885	126.974.183.443
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(263.892.669.611)	(156.240.330.575)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(125.024.126.330)	(92.677.180.942)
- Chi phí lãi vay	06		286.941.304.149	254.241.167.186
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	1.556.568.317
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(174.493.539.940)	231.895.405.893
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(112.339.049.055)	243.568.855.264
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		411.058.062.104	42.946.246.562
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		123.092.185.102	(311.529.257.380)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		226.746.034.298	168.160.017.566
- Tiền lãi vay đã trả	14		(32.078.193.654)	(37.376.523.413)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.628.478.810)	(20.673.812.826)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.359.650.022	29.436.886.456
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(34.313.557.794)	(37.045.733.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		381.403.112.273	309.382.084.617
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(48.253.004.704)	(53.292.405.317)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		16.287.821.467	1.445.937.979
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(55.157.439.797)	(17.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		44.100.000.000	19.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		36.431.805.000	19.167.814.305
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.853.391.853	25.626.576.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.262.573.819	(5.152.076.150)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.698.137.493.819	2.001.310.603.756
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.886.533.557.775)	(2.165.559.290.954)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		(895.366.680)	(1.131.184.188)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.245.381.166)	(6.148.950.438)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(195.536.811.802)	(171.528.821.824)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		197.128.874.290	132.701.186.643
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (*)	60		598.374.661.984	465.504.328.167
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		76.502.494	169.147.174
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	795.580.038.768	598.374.661.984

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng

Hoàng Thế Hiến

Tổng giám đốc

Hoàng Chí Cường



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 69 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)